

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
\*\*\*\*\*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TIẾNG TRUNG TỔNG HỢP 1**

**Số tín chỉ: 02**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc**

**Năm 2020**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

- Tên học phần:** Tiếng Trung tổng hợp 1
- Mã học phần:** NNTQ 033
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 1 (kỳ 1)
- Phân bố thời gian**
  - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
  - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Không

### 7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Xuân Giang	0912779326	nxgiang@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlans@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

### 8. Mô tả nội dung của học phần

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên cách phát âm thanh mẫu, vận mẫu; biến điệu trong tiếng Hán; quy tắc phiên âm; các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán; quy tắc viết chữ Hán; các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hằng ngày, mua quần áo. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu hỏi dùng 吗, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ 的, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ danh từ, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ 有, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền, số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc 又...又.... Các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao, tập trung rèn luyện và củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

### 9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

#### 9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
<b>MT1</b>	<b>Kiến thức</b>		
	<p>Trình bày kiến thức về các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngữ âm: Thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến điệu trong tiếng Hán; quy tắc phiên âm; các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán; quy tắc viết chữ Hán.</li> <li>- Bài đọc: Từ vựng, cụm từ, mẫu câu giao tiếp theo chủ đề trong học phần: Chào hỏi; giới thiệu bản thân; hỏi đáp tên đồ vật, họ tên, quốc tịch, địa chỉ, đồ ăn, đồ uống, gia đình, mua đồ, đổi tiền, hoạt động hằng ngày, thời gian, sở thích, dự định, thuê nhà; miêu tả vị trí của người và đồ vật và nơi chốn.</li> <li>- Ngữ pháp: Cung cấp cách dùng từ ngữ, cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung bài học.</li> </ul>	2	[1.2.1.2a]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
	<p>Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản, đảm bảo giao tiếp được trong các tình huống thông thường trong cuộc sống hằng ngày: Chào hỏi; giới thiệu bản thân; hỏi đáp tên đồ vật, họ tên, quốc tịch, địa chỉ, đồ ăn, đồ uống, gia đình, mua đồ, đổi tiền, hoạt động hằng ngày, thời gian, sở thích, dự định, thuê nhà; miêu tả vị trí của người và đồ vật và nơi chốn.</p>	3	[1.2.2.1]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
	<p>Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.</p>	3	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
<b>CĐR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CĐR1.1	Trình bày được cách phát âm của thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến điệu trong tiếng Hán; quy tắc phiên âm; các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán; quy tắc viết chữ Hán.	2	[2.1.4]
CĐR1.2	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Chào hỏi; giới thiệu bản thân; hỏi đáp tên đồ vật, họ tên, quốc tịch, địa chỉ, đồ ăn, đồ uống, gia đình, mua đồ, đổi tiền, hoạt động hằng ngày, thời gian, sở thích, dự định, thuê nhà; miêu tả vị trí của người và đồ vật và nơi chốn.		
CĐR1.3	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm của từ vựng trong học phần.		
CĐR1.4	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu hỏi dùng: 呢, 多, 几, 多少, đại từ nghi vấn, chính phản, lựa chọn.		
CĐR1.5	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ danh từ, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ 有”, câu liên động.		
CĐR1.6	Xác định được ý nghĩa, vị trí đặc điểm của định ngữ và trợ từ kết cấu 的, trạng ngữ, bổ ngữ trạng thái, bổ ngữ thời lượng, bổ ngữ kết quả, động từ lặp lại, động từ năng nguyện, động từ li hợp, phương vị từ, 在, 给, 又...又, 因为...所以.		
CĐR1.7	Trình bày được cách nói thời gian, giá tiền, sự tồn tại, số tự nhiên, mã số, cụm số lượng, cụm từ chữ 的, số ước lượng.		
CĐR1.8	Phân biệt được cách dùng “在, 正, 正在”, “一点儿 và 有一点儿”, “还是 và 或者”, “再 và 又”, “以前 và 以后”, “从, 离, 往”, trợ từ ngữ khí và trợ từ động thái.		

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT</b>
<b>CĐR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CĐR2.1	Viết đúng, nhớ mặt chữ và nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.1]
CĐR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần.		
CĐR2.3	Sử dụng được các từ vựng, các hiện tượng ngữ pháp trong học phần để diễn đạt ý muốn nói; đặt câu, viết câu, dịch bài đọc và hoàn thành bài tập liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.4	Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.5	Hội thoại, đọc thoại được về chủ đề giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.6	Đọc hiểu được các đoạn văn 150 - 300 chữ về các chủ đề giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.7	Viết được các đoạn văn ngắn khoảng 50 - 100 từ về các chủ đề: Giới thiệu bản thân, miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động một ngày của bản thân, mua quần áo, sở thích, thuê nhà; miêu tả vị trí của người và đồ vật và nơi chốn.		
CĐR2.8	Giao tiếp lưu loát về các chủ đề trong học phần.		
<b>CĐR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm có hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
1	<b>第一课: 你好</b> 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
2	<b>第四课: 你去哪儿?</b> 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习		x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
3	<b>第五课: 这是王老师</b> 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习		x	x	x	x				x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
4	<b>第六课: 我学习汉语</b> 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习		x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	<b>第七课: 你吃什么?</b>		x	x	x	x				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
	一、课文 二、生词 三、注释 四、练习																				
6	第八课: 苹果一斤多少钱 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习		x	x	x	x				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
7	第九课: 这个箱子很重 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习		x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
8	第十课: 他住哪儿? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习		x	x		x		x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
9	第十二课: 你在哪儿学习? 一、课文 二、生词 四、语法		x	x	x		x			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
	五、语音 六、练习																				
10	第十三课: 这是不是中药 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
11	第十四课: 你的车是新的还是旧的? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
12	第十五课: 你们公司有多少职员 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
13	第十六课: 你常去图书馆吗? 一、课文 二、生词		x	x	x		x			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x



Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	三、注释 四、语法 五、语音 六、练习																				
14	第十七课: 他在做什么呢 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x		x			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	
15	第十八课: 我去邮局寄包裹 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x	x					x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	
16	第十九课: 可以试试吗 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
17	第二十课: 祝你生日快乐		x	x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习																				
18	第二十一课: 我们明天七点一刻出发 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x	x	x			x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
19	第二十二课: 我打算请老师教我京剧 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x		x			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
20	第二十三课: 学校里边有邮局吗? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
21	第二十四课: 我想学太极拳 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x						x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
22	第二十五课: 她学得很好 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
23	第二十六课: 田芳去哪儿了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习		x	x					x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
24	第二十七课: 玛丽哭了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习		x	x					x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
25	第二十九课: 我都做对了 一、课文 二、生词 三、语法 四、练习		x	x			x			x	x	x	x	x		x	x	x	x		
26	第三十课: 我来了两个多月了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习		x	x		x	x			x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

### 11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp, tự luận.

- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút).

- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

## 12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.  
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.

- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

## 13. Tài liệu phục vụ học phần

**- Tài liệu bắt buộc:**

[1] - Dương Ký Châu chủ biên - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2018), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển thượng)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] - Dương Ký Châu chủ biên - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2020), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển hạ)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

**- Tài liệu tham khảo:**

[3] - Khương Lệ Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 1*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] - Khương Lệ Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 2*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
1	<p>第一课 你好</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm đúng các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu.</li> <li>- Biết cách ghép vần và đọc đúng các từ mới trong bài.</li> <li>- Viết đúng các nét cơ bản và biến thể.</li> <li>- Quan sát chữ Hán, xác định được số nét, cách viết.</li> <li>- Liệt kê được các đại từ nhân xưng, số đếm cơ bản, các danh từ chỉ các thành viên cơ bản trong gia đình.</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、语音</p> <p>四、注释</p> <p>五、练习</p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách phát âm thanh mẫu, vận mẫu, cách viết các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến điệu.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên viết đúng các nét cơ bản và các nét biến thể.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 27. [3]: Trang 14 - 25.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			+ Hoàn thành bài tập: [1]: Trang 10 - 12, 16 - 18, 24 - 27.	
2	<p>第四课 你去哪儿?</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Liệt kê được các danh từ chỉ địa điểm trong bài bằng tiếng Trung.</li> <li>- Biết cách làm các dạng bài tập theo bài học.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、语音</li> <li>四、注释</li> <li>五、练习</li> </ul>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Thực quan; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 28 - 33.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 33 - 36.</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
3	<p>第五课 这是王老师</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Liệt kê được các từ vựng và cấu trúc giới thiệu người hoặc đồ vật.</li> <li>- Biết cách làm các dạng bài tập theo bài học.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、语音</li> <li>四、注释</li> <li>五、练习</li> </ul>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 37 - 41.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 41 - 44.</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.



TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
4	<p>第六课 我学习汉语</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Liệt kê được một số họ thường gặp ở Trung Quốc và Việt Nam.</li> <li>- Liệt kê các từ vựng về đất nước, ngôn ngữ, quốc tịch bằng tiếng Trung.</li> <li>- Biết cách làm các dạng bài tập theo bài học.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、语音</li> <li>四、注释</li> <li>五、练习</li> </ul>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 46 - 51. [3]: Trang 26 - 41.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 51-55</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
5	<p>第七课 你吃什么?</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Liệt kê được tên một số món ăn, đồ uống hằng ngày bằng tiếng Trung.</li> <li>- Biết cách làm các dạng bài tập theo bài học.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>（一）我学习汉语</p> <p>（二）这是什么书?</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、练习</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 56 - 59. [3]: Trang 68 - 69.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Luyện nghe bài đọc, từ mới tài liệu [1]</li> </ul> </li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 59 - 62.</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
6	<p>第八课 苹果一斤多少钱</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> </ul>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Liệt kê được tên một số loại trái cây ăn hằng ngày bằng tiếng Trung.</li> <li>- Biết cách làm các dạng bài tập theo bài học.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、注释</li> <li>四、语音</li> <li>五、练习</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 63 - 66. [3] : Trang 68 - 72.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 66 - 69.</li> </ul>	CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
7	<p><b>第九课 我换人民币</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Liệt kê được tên một số loại tiền bằng tiếng Trung.</li> <li>- Biết cách làm các dạng bài</li> </ul>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với từ các trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	tập theo bài học. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习		+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 70 - 73. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 73 - 75.	CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
8	<b>第十课 他住哪儿?</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Liệt kê được tên sáu thành phần câu tiếng Trung. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng của câu vị ngữ động từ. - Trình bày được cách diễn đạt địa chỉ, số điện thoại trong tiếng Trung. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.	1 (1LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng làm rõ nghĩa các từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời.	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习</p>		<p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 76 - 81.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 82 - 85.</p>	
9	<p><b>第十二课 你在哪儿学习</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Định ngữ và trợ từ kết cấu “的”, cấu trúc giới từ “在” và “给”.</p> <p>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 四、语法</p> <p>(一) 汉语句子的语序 (二) 动词谓语句 (三) 号码的读法</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</p> <p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</p> <p>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p> <p>+ Gọi hội thoại theo cặp.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	五、语音 六、练习		[1]: Trang 98 - 103. [3]: Trang 76 - 79. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 104 - 109.	
10	<b>第十三课 这是不是中药?</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Liệt kê được các đồ vật thường dùng hằng ngày bằng tiếng Trung. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu vị ngữ hình dung từ, câu hỏi dùng chính phủ, cụm từ “的”. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 (一) 这个黑箱子很重 (二) 这是不是中药 二、生词 三、注释 这是一些药 四、语法	1 (1LT, OTH)	<b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 110 - 115. [4]: Trang 31 -35 + Lắng nghe hướng dẫn của	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	(一) 形容词谓语句 (二) 怎么问 (3) : 正反问句 (三) “的” 字词组 <b>五、语音</b> (一) 词重音 (3) (二) 语调 (3) <b>六、练习</b>		giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 116 - 123.	
11	<b>第十四课</b> <b>你的车是新的还是旧的?</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Liệt kê được một số hình dung từ miêu tả và chỉ màu sắc bằng tiếng Trung. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是”. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Giới thiệu được về một đồ vật mà mình yêu thích. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>一、课文</b> (一) 您身体好吗 (二) 你们的车是新的还是旧的 <b>二、生词</b>	1 (1LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 124 -130. [3]: Bài 4, mục 3 trang 36. [3]: Bài 12, mục 3 trang 103, mục 4 trang 104. + Lắng nghe hướng dẫn của	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.5, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>三、注释</p> <p>(一) 有一点儿忙</p> <p>(二) 啊, 在那儿呢</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 主语谓语句 (1)</p> <p>(二) 选择问句: ...还是...?</p> <p>(三) 省略问句: “.....呢?”</p> <p>五、语音</p> <p>(一) 选择问句的语调</p> <p>(二) 省略问句的语调</p> <p>六、练习</p>		<p>giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 130 -136.</p>	
12	<p style="text-align: center;"><b>第十五课</b></p> <p style="text-align: center;"><b>你们公司有多少职员</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Liệt kê được các từ chỉ thành viên trong gia đình, từ chỉ nghề nghiệp bằng tiếng Trung.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu chữ “有”, cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少”.</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> <li>- Giới thiệu được về gia đình.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>(一) 你家有几口人</p> <p>(二) 你公司有多少职员</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</li> <li>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.



TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	二、生词 三、注释 (一) 我只有两个弟弟 (二) 一百多个 (三) 不都是外国职员 四、语法 (一) “有”字句 (二) 称数法 (三) 询问数量 (四) 数量词组 五、语音 六、练习		[1]: Trang 137 - 144. [3]: Trang 42 - 50. + Luyện nghe: [1]: Bài 15 trang 137 - 140. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 141 - 151.	
13	<b>第十六课 你常去图书馆吗</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Liệt kê được các từ hoạt động diễn ra ở thư viện bằng tiếng Trung. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Trạng ngữ chỉ thời gian, liên từ “或者、还是”. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 (一) 你常去图书馆吗? (二) 晚上你常做什么? 二、生词 三、注释	1 (1LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 1 - 7. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm.	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>(一) 你跟我一起去, 好吗 (二) 咱们走吧 (三) 吧</p> <p>四、语法 (一) 时间词语作状语 (二) “还是” 和 “或者”</p> <p>五、语音: 句重音 六、练习</p>		<p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 8 - 13.</p>	
14	<p><b>第十七课 他在做什么呢</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Liệt kê được các hoạt động thường diễn ra hằng ngày bằng tiếng Trung. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu động từ 2 tân ngữ, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Diễn đạt được hoạt động đang xảy ra. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 (一) 他在做什么呢 (二) 谁教你们语 二、生词 三、注释 (一) 怎么去呢</p>	1 (1LT, OTH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 14 - 20. [3]: Trang 110 - 113. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	(二) 行 四、语法 (一) 动作的进行 (二) 双宾语句 (三) 询问动作行为的方式: 怎么+动词 五、语音 六、练习		+ Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 21 - 27.	
15	<b>第十八课 我去邮局寄包裹</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Liệt kê được các hoạt động thường diễn ra ở bưu điện bằng tiếng Trung. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng câu liên động. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 (一) 我去邮局寄包裹 (二) 外贸代表团明天去上海参观 二、生词 三、注释 (一) 顺便替我买几张邮票 (二) 没问题 四、语法 : 连动句 五、语音 : 逻辑重音	3 (1LT, 0TH 02KT)	<b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 28 - 32. [3]: Trang 60 - 62. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	六、练习		+ Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 33 - 39.	
16	<b>第十九课 可以试试吗?</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Liệt kê được các từ chỉ quần áo bằng tiếng Trung. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Động từ lặp lại, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Hội thoại được về chủ đề mua quần áo. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 (一) 可以试试吗? (二) 便宜一点儿吧 二、生词 三、注释 (一) 人民币的单位 (二) 太少了 四、语法 (一) 动词重叠	1 (1LT, OTH)	<b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 40 - 46. [3]: Trang 71 - 76. [4]: Trang 48 - 51. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.6, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	(二) 又.....又..... (三) “一点儿、有一点儿” <b>五、语音</b> (一) 词重音 (二) 语调 <b>六、练习</b>		+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 47 - 53.	
17	<b>第二十课 祝你生日快乐</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Liệt kê được các từ chỉ thời gian bằng tiếng Trung. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu vị ngữ danh từ, cách biểu đạt thời gian (ngày, tháng, năm, thứ), cách sử dụng ngữ điệu nghi vấn trong câu hỏi. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Viết được đoạn văn kể về bữa tiệc sinh nhật của bản thân và những người thân trong gia đình. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>一、课文</b> (一) 你哪一年大学毕业 (二) 祝你生日快乐 <b>二、生词</b> <b>三、注释</b>	2 (2LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 54 - 60. [3]: Trang 60 - 64, 102 -104. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	(一) 属狗 (二) 是吗? (三) 就在我的房间 <b>四、语法</b> (一) 名词谓语句 (二) 年、月、日 (三) 怎么问: 疑问语调 <b>五、语音: 语调</b> <b>六、练习</b>		+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 61 - 67.	
18	<b>第二十一课</b> <b>我们明天七点一刻出发</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được cách biểu đạt thời gian (giờ, phút), vị trí trạng ngữ chỉ thời gian. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Viết được đoạn văn kể về một ngày học tập của bản thân gắn thời gian cụ thể. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>一、课文</b> (一) 我的一天 (二) 明天早上七点一刻出发 <b>二、生词</b> <b>三、注释</b> (一) 我去朋友那儿聊天	1 (1LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 68 - 74. [3]: Trang 94 - 98. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	(二) 同学们 四、语法: 时间的表达 五、语音: (一) 词重音 (二) 句重音 六、练习		dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 75 - 81.	
19	<p style="text-align: center;"><b>第二十二课</b></p> <p style="text-align: center;"><b>我打算请老师教我京剧</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Trình bày đặc điểm, cách dùng: Câu kiêm ngữ, phân biệt cách dùng của “以前” và “以后”.</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> <li>- Viết được đoạn văn kể về về sở thích của bản thân.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>(一) 你喜欢看京剧吗?</p> <p>(二) “以前”和“以后”</p> <p>(三) 我来中国以前就对书法感兴趣</p> <p>四、语法: 兼语句</p> <p>五、语音: 兼语句的句重音</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</li> <li>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 82 - 88. [4]: Trang 73 - 74.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	六、练习		+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 89 - 95.	
20	<p style="text-align: center;"><b>第二十三课</b> <b>学校里边有邮局吗?</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Phương vị từ, cách biểu đạt sự tồn tại với “在,有,是”, cách hỏi với 多, sự khác nhau và cách dùng của các giới từ “离,从,往”.</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> <li>- Viết được đoạn văn miêu tả vị trí ngôi nhà mình đang ở.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>(一) 学校里边有邮局吗</p> <p>(二) 从这儿道博物馆多远</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>(一) 离这儿有多远?</p> <p>(二) 有七八百米</p> <p>(三) 多……?</p> <p>四、语法:</p> <p>(一) 方位词</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</li> <li>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 96 - 105. [3]: Trang 84 - 86.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.7, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.



TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	(二) 存在的表达 (三) 介词“离、从、往” 五、语音 六、练习		[2]: Trang 106 - 113.	
21	<b>第二十四课 我想学太极拳</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Động từ năng nguyện, 怎么. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Viết được đoạn văn kể về sở thích của bản thân. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 (一) 我想学太极拳 (二) 您能不能再说一遍 二、生词 三、注释 (一) 您能不能再说一遍 (二) 从几点到几点上课 四、语法: (一) 能愿动词 (二) 询问原因 五、语音 六、练习	1 (1LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 114 - 121. [3]: Trang 52 - 54. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu, trình bày kết quả. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.	CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 122 - 128.</li> </ul>	
22	<p><b>第二十五课 她学得很好</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Trình bày đặc điểm, cách dùng: Bồ ngữ trạng thái.</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> <li>- Viết được đoạn văn ngắn kể về một ngày của học tập của bản thân có sử dụng bồ ngữ trạng thái.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>（一）她学得很好</p> <p>（二）她每天都起得很早</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>（一）哪里</p> <p>（二）你看她太极拳打得怎么样？</p> <p>（三）打得还可以</p> <p>四、语法：状态补语</p> <p>五、语音</p> <p>六、练习</p>	1 (1LT, OTH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</li> <li>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 129 - 135. [4]: Trang 103 - 108.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			[2]: Trang 136 - 143.	
23	<p>第二十六课 田芳去哪儿了</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Trợ từ ngữ khí “了”, phó từ “再” và “又”</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>(一) 田芳去哪儿了</p> <p>(二) 他又来电话了</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>(一) 你给我打电话了吧?</p> <p>(二) 你不是要上托福班吗?</p> <p>(三) 是不是</p> <p>四、语法:</p> <p>(一) 语气助词“了” (1)</p> <p>(二) “再”和“又”</p> <p>五、练习</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</li> <li>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 144 - 152. [4]: Trang 71 - 74.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [2]: Trang 152 - 159.</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
24	<p>第二十七课 玛丽哭了</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p>	1 (1LT,	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Đóng vai.</b></p>	CDR1.2, CDR1.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: “怎么了”, “别...了”; cấu trúc “因为...所以”, trợ từ “了”,</p> <p>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</p> <p>- Viết được đoạn văn kể về việc đi bệnh viện.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>“怎么了”, “别.....了”</p> <p>“因为.....所以”</p> <p>五、练习</p>	0TH)	<p>- <b>Giảng viên:</b></p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</p> <p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</p> <p>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p> <p>+ Gọi hội thoại theo cặp.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 160 - 168. [3]: Trang 116 - 118. [4]: Trang 56 - 59, 88 - 90.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [2] Trang 169 - 176.</p>	CDR1.6, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3
25	<p>第二十九课 我都做对了</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại;</b></p> <p><b>Trực quan; Đóng vai.</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>vựng trong bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng bổ ngữ kết quả.</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、注释</li> <li>四、语法：结果补语</li> <li>五、练习</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</li> <li>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 192 - 200. [4]: Trang 79 - 82.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [2] Trang 201- 207.</li> </ul>	<p>CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>
26	<p>第三十课 我来了两个多月</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> </ul>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa.</li> </ul>	<p>CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng bổ ngữ thời lượng</p> <p>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法：时量补语</p> <p>五、练习</p>		<p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, đặt câu với các từ trọng điểm.</p> <p>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm các hiện tượng ngữ pháp trong bài.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p> <p>+ Gọi hội thoại theo cặp.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 208 - 216.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [2] Trang 217 - 223 .</p>	<p>CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa